IBP cung cấp cao khô hạt lựu

????????????Tên sản phẩm: Punica Granatum Extract
Thành phần chính: Ellagic Acid
Nguồn thảo mộc: Punica granatum
Phần được sử dụng: Vỏ trái cây
Xuất hiện: Bột mịn màu nâu
????????????Dược lý học: Chủ yếu được sử dụng trong dược phẩm, thực phẩm sức khỏe và phụ gia mỹ phẩm. Sản phẩm có tác dụng chống đột biến tuyệt vời, thay đổi tác dụng chống ung thư, đặc biệt là đối với ung thư ruột kết, ung thư gan, sưng lưỡi và ung thư da, và do đó có một sự ức chế tốt. Ngoài ra, Ellagic Acid cũng có tác dụng chống oxy hóa, ức chế virus suy giảm miễn dịch ở người và các tác dụng khác của làm trắng da.

????????????Là gì Axit Ellagic?
Axit Ellagic là một polyphenol bốn vòng hợp nhất. Axit ellagic tinh khiết là một loại kem có chất rắn tinh thể màu vàng nhạt.

Axit Ellagic có mặt trong nhiều loại trái cây và quả mọng màu đỏ, bao gồm quả mâm xôi, dâu tây, quả mâm xôi, túi mật Trung Quốc, nam việt quất, lựu và một số loại hạt bao gồm hồ đào và quả. Nồng độ axit ellagic cao nhất được tìm thấy trong quả mâm xôi. Trong thực vật nó có mặt ở dạng ellagitannin, đó là axit ellagic liên kết với một phân tử đường.

????????????Chức năng và Bemefits của Axit Ellagic
1. Axit Ellagic có chức năng chống ung thư và chống đột biến.
2. Axit Ellagic có thể kiềm chế viru suy giảm miễn dịch ở người (HIV) và nhiều loại vi khuẩn và virus.
3. Axit Ellagic có tác dụng chống oxy hóa, đông máu, có thể được sử dụng để giảm huyết áp và thuốc gây mê.
4. Axit Ellagic có thể điều trị các loại triệu chứng gây ra bởi lượng đường trong máu cao, tăng huyết áp.
5. Axit Ellagic có thể chống lại xơ vữa động mạch và khối u.
6. Axit Ellagic có thể chống lại chống oxy hóa, ức chế lão hóa và làm trắng da.

????????????Ứng dụng của axit Ellagic
1. Axit Ellagic là một loại nguyên liệu cho y học, nó thường được làm thành viên nang để ngăn ngừa ung thư, hạ huyết áp và chống oxy hóa.
2. Axit Ellagic có thể được sử dụng làm nguyên liệu trong lĩnh vực sản phẩm chăm sóc sức khỏe.
3. Axit Ellagic có thể được áp dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm, nó thường được sử dụng làm chất chống oxy hóa thực phẩm.
4. Axit Ellagic có thể được áp dụng như phụ gia mỹ phẩm, nó chủ yếu được sử dụng trong làm trắng, xua tan tại chỗ, chống nhăn và trì hoãn lão hóa da.
☎ ☎ ☎ Mọi chi tiết xin liên hệ:
???? ???? ???? Nguyễn Ngọc Minh 0383 968 206
Tel: 02462939301
Fax: 02462939301

Công ty TNHH Dược phẩm sinh học Quốc tế (IBPHARCO)
GPĐKKD: 0107338923
Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Licogi13, 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội
VPMN: Khu B CC Bộ Đội Biên Phòng, đường Nguyễn Văn Công, phường 3, quận Gò Vấp, Tp HCM
Email: contact@ibpharco.com
Web: ibpharco.com

Bình luận

Bài viết liên quan

Công ty Biogreen bán bột tỏi đen Lý Sơn

Công ty Biogreen bán cao khô Dừa cạn tan hoàn toàn

Biogreen cung cấp nguyên liệu cao khô Trinh nữ hoàng cung

Bán cao khô Actiso giúp thanh nhiệt, mát gan

Cung cấp cao khô Chùm ngây tan hoàn toàn

Bán cao khô Thông đất tan hoàn toàn

Bán cao dược liệu phục vụ sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe

Bán enzyme: Amylase, Protease, Lactase, Lipase

Bán các loại cao khô dược liệu

Bán men vi sinh B.subtilis, B.coagulans, B.clausii

Công ty Biogreen cung cấp nguyên liệu Papain

Công ty Biogreen cung cấp nguyên liệu men vi sinh

Bán nguyên liệu Papain

Chuyên cung cấp các loại cao dược liệu

Bán nguyên liệu men vi sinh

Bán nguyên liệu enzyme

Bán men vi sinh phục vụ sản xuất thực phẩm chức năng

EDTA Hà Lan 2 muối, 4 muối, dạng nước chất lượng, độ tinh khiết cao

Mua bán men vi sinh đơn dòng, men tiêu hóa, men đường ruột giá tốt

Mua bán yucca tẩy kháng sinh, hấp thu khí độc, yucca nước, yucca bột, yucca lỏng, giá sỉ

cung cấp yucca nguyen liệu mexico

Cao Khô Dược Liệu

Men tiêu hóa nguyên liệu

Hạ Đường Huyết Y Sư

Cung cấp các loại cao dược liệu theo yêu cầu khách hàng

Cung cấp các loại cao dược liệu theo yêu cầu khách hàng

Bán nguyên liệu: papain, pepsin, bromelain, protease

Cung cấp nguyên liệu Papain từ 50.000 IU/g đến 1.000.000 IU/g

Mua bán yucca tẩy kháng sinh, hấp thu khí độc, yucca nước, yucca bột, yucca lỏng, giá sỉ

Bán nguyên liệu Protease 2.000 IU/g; 5.000 IU/g